

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Anh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên
Ông Phạm Cảnh Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên

Ban kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/10/2021
Bà Mẫn Minh Huệ	Phó trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/10/2021
Ông Đỗ Quang Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/10/2021

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Trưởng ban
Bà Mạc Thị Hồng Minh	Thành viên
Ông Phạm Duy Khánh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Đỗ Thị Mai Anh, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: <http://www.ecovis.com/vietnam/audit>).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Số: 128/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2022 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 107/2021/BCKT-AAC ngày 01/03/2021.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

11/10/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.672.764.584	63.327.079.782
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	14.277.719.982	15.540.320.316
1. Tiền	111		11.277.719.982	15.540.320.316
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.800.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.8	1.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.786.339.926	24.238.211.169
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	48.923.733.828	21.968.350.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	6.394.517.901	367.784.715
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.876.204.080	2.953.490.997
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.408.115.883)	(1.051.415.175)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	36.159.006.792	22.772.952.019
1. Hàng tồn kho	141		39.278.379.072	24.318.947.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.119.372.280)	(1.545.995.292)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.649.697.884	775.596.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	905.420.046	772.596.278
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		744.277.838	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	3.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.494.281.414	33.264.962.302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.819.913.266	14.819.913.266
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	14.819.913.266	14.819.913.266
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.007.662.740	3.888.264.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	3.007.662.740	3.888.264.116
Nguyên giá	222		6.742.117.513	6.745.552.968
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.734.454.773)	(2.857.288.852)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.363.636	28.363.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	28.363.636	28.363.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.329.000.000	3.329.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.8	3.329.000.000	3.329.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.309.341.772	11.199.421.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	10.309.341.772	11.199.421.284
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.167.045.998	96.592.042.084

63:
 000
 TMI
 M T
 TDI
 TDI
 VI
 ETI
 40

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.103.200.647	25.626.077.437
I. Nợ ngắn hạn	310		68.103.200.647	25.626.077.437
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	41.409.677.529	13.998.945.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	9.244.727.213	1.133.860.858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.291.901.796	960.446.957
4. Phải trả người lao động	314		3.266.300.833	2.599.831.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	3.531.785.000	1.271.907.900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	4.686.271.406	4.273.477.467
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.672.536.870	1.387.606.735
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.063.845.351	70.965.964.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	74.063.845.351	70.965.964.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(200.000.000)	(200.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.390.345.351	22.730.964.647
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.823.500.000	4.385.000.000
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.823.500.000	4.385.000.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		142.167.045.998	96.592.042.084



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	470.053.983.866	470.685.986.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	2.539.349.650	2.025.555.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		467.514.634.216	468.660.430.693
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	405.116.187.573	410.475.903.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.398.446.643	58.184.527.224
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	2.746.174.764	812.187.537
7. Chi phí tài chính	22	5.5	1.003.729.738	880.573.896
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		436.147.940	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	31.800.071.676	29.815.322.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	17.881.759.400	16.272.906.430
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.459.060.593	12.027.911.657
11. Thu nhập khác	31	5.8	1.373.685.380	2.109.211.597
12. Chi phí khác	32	5.9	1.441.626.277	2.458.739.231
13. Lợi nhuận khác	40		(67.940.897)	(349.527.634)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.391.119.696	11.678.384.023
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	2.878.995.536	2.458.807.720
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.512.124.160	9.219.576.303
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	1.706	1.682
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	1.706	1.682



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		429.214.657.482	472.559.973.373
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(396.478.704.028)	(443.317.564.663)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.151.586.539)	(14.414.198.867)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(436.147.940)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.178.598.110)	(2.339.057.989)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.579.046.030	5.401.936.170
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.329.856.987)	(9.694.558.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.218.809.908	8.196.529.933
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.563.636)	(3.329.393.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	345.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.500.000.000)	(13.103.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		7.700.000.000	14.603.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.740.153.394	439.769.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		903.589.758	955.829.938
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(50.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.262.600.334)	4.767.359.871
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.540.320.316	10.772.960.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		14.277.719.982	15.540.320.316



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Mai Hoa
Kê toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309902130 ngày 02 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 44.050.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 68 người (31 tháng 12 năm 2020 là 73 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản). Đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: biên tập, biên soạn sách; dịch thuật (trừ xuất bản sách);
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bể bơi di động;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn bể bơi di động;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không sản xuất tại trụ sở).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học tỉnh BR - VT	Số 237 Lê Lợi, P. Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị giáo dục Bình Dương	Số 88, Trần Bình Trọng, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	21%	21%	21%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Năm 2021</u>	
▪ Máy móc thiết bị	02 - 06	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí thuê đất, chi phí thuế GTGT không được khấu trừ của hàng tự sản xuất... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lãi trả chậm.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: không chịu thuế;
- Thiết bị văn phòng, từ điển: 5% - 10%;
- Các hàng hóa, dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh thương mại và lãnh thổ chính là Việt Nam.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	62.509.432	9.625.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.215.210.550	14.530.694.406
Tiền đang chuyển	-	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.000.000.000	-
Cộng	14.277.719.982	15.540.320.316

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	250.743.950	4.345.999.901
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	3.336.396.241	2.240.617.420
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	7.881.638.000	1.945.058.165
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	1.020.166.384	2.360.965.942
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	6.970.605.515	1.397.890.648
Các khách hàng khác	29.464.183.738	9.677.818.556
Cộng	48.923.733.828	21.968.350.632
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 7	4.583.474.956	3.692.515.020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Kim Tân	-	47.042.500
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	5.843.852.580	-
Đoàn Thị Thuý Hạnh	473.040.000	262.800.000
Võ Diệu Thanh	-	45.000.000
Các đối tượng khác	77.625.321	12.942.215
Cộng	6.394.517.901	367.784.715

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu thuế TNCN	1.009.745.502	-	171.074.184	-
Ký quỹ, ký cược	1.651.207.094	-	2.281.894.916	-
Tam ứng	-	-	11.000.000	-
BHXH, BHYT, BHTN	13.803.935	-	6.498.199	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư và Phát triển Nhật Văn	-	-	425.000.000	-
Lãi dự thu	6.021.370	-	-	-
Các đối tượng khác	195.426.179	-	58.023.698	-
Cộng	2.876.204.080	-	2.953.490.997	-
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
Cộng	14.819.913.266	-	14.819.913.266	-
Trong đó phải thu khác là bên liên quan - Xem thêm mục 7	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam), Công ty CP Đầu tư & PTGD Phương Nam để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó: vốn đầu tư của Công ty chiếm 30% dự án. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, các bên thống nhất giao cho Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam quản lý và khai thác kinh doanh, tập hợp và phân chia doanh thu, chi phí cho các bên theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.533.234.458	-	3.011.397.537	-
Công cụ, dụng cụ	3.527.273	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	1.782.471.993	-	414.346.438	-
Thành phẩm	6.913.163.564	-	3.982.310.395	-
Hàng hóa	27.835.974.375	3.119.372.280	14.054.109.822	1.545.995.292
Hàng gửi đi bán	210.007.409	-	2.856.783.119	-
Cộng	<u>39.278.379.072</u>	<u>3.119.372.280</u>	<u>24.318.947.311</u>	<u>1.545.995.292</u>

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

Tại thời điểm cuối năm, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển là 3.134.330.505 VND, Công ty xác định giá trị có thể thu hồi số hàng tồn kho này là 14.958.225 VND và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 3.119.372.280 VND. Giá trị hàng tồn kho đang luân chuyển bình thường là: 36.144.048.567 VND.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng	1.910.414.455	502.298.572	1.709.422.496	658.007.321
Cộng	<u>1.910.414.455</u>	<u>502.298.572</u>	<u>1.709.422.496</u>	<u>658.007.321</u>

HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM TB Giáo dục Vạn Lợi	393.407.855	-	Trên 3 năm	393.407.855	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đồng Tháp	162.702.434	48.810.730	2 - 3 năm	162.702.434	81.351.217	1 - 2 năm
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Sản Xuất Thiết Bị Giáo Dục Minh Phát	1.110.163.501	333.049.050	2 - 3 năm	1.110.163.501	555.081.751	1 - 2 năm
Cửa Hàng Sách Nhật Minh	43.148.706	12.944.612	2 - 3 năm	43.148.706	21.574.353	1 - 2 năm
Công ty Sách - Thiết bị Giáo dục Hoàng Minh Phúc	166.000.959	83.000.480	1 - 2 năm			
Công ty TNHH Sách Thiết bị - Văn phòng phẩm Nhật Vũ	34.991.000	24.493.700	6 tháng - 1 năm			
Cộng	1.910.414.455	502.298.572		1.709.422.496	658.007.321	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bán thảo	69.899.687	41.454.495
Thuê GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	568.065.798	595.203.512
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	267.454.561	135.938.271
Cộng	905.420.046	772.596.278
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	752.050.105	749.421.284
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	9.557.291.667	10.450.000.000
Cộng	10.309.341.772	11.199.421.284

(*) Là khoản thuê cơ sở hạ tầng trên đất tại Lô A5-3 Khu A, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Cho đến hiện nay, Công ty đang triển khai các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn và nhận bàn giao đất từ bên cho thuê.

(*) Ngày 22/07/2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT quyết định dừng việc đầu tư xây dựng kho chứa hàng hóa tại KCN Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh và thoái toàn bộ vốn đã đầu tư tại lô đất A5-3 khu A, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-
Cộng	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học tỉnh BR - VT	1.229.000.000	-	-	1.229.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương	2.100.000.000	-	-	2.100.000.000	-	-
Cộng	3.329.000.000	-	-	3.329.000.000	-	-

Năm 2021**Năm 2020**

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học tỉnh BR - VT
 Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương

Hoạt động kinh doanh có lãi
 Hoạt động kinh doanh có lãi

Hoạt động kinh doanh có lãi
 Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong năm được trình bày tại Mục 7.

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương và Công ty Cổ phần Sách TBTH tỉnh BR – VT đều có lãi, không có lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

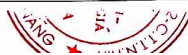
Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	609.700.818	5.633.712.118	502.140.032	6.745.552.968
Mua sắm trong năm	-	-	36.563.636	36.563.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(39.999.091)	(39.999.091)
Tại ngày 31/12/2021	609.700.818	5.633.712.118	498.704.577	6.742.117.513
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	470.393.858	1.921.746.191	465.148.803	2.857.288.852
Phân loại lại	-	(47.448)	47.448	-
Khấu hao trong năm	53.030.303	823.832.141	40.302.568	917.165.012
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(39.999.091)	(39.999.091)
Tại ngày 31/12/2021	523.424.161	2.745.530.884	465.499.728	3.734.454.773
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	139.306.960	3.711.965.927	36.991.229	3.888.264.116
Tại ngày 31/12/2021	86.276.657	2.888.181.234	33.204.849	3.007.662.740

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.406.289.214 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dự án nhà kho chứa hàng hóa, vật tư	28.363.636	28.363.636
Cộng	28.363.636	28.363.636

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN SX Thiết bị giáo dục- Thẻ thao Tài Lực	956.321.875	956.321.875	1.939.830.160	1.939.830.160
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.383.029.070	1.383.029.070	2.540.921.735	2.540.921.735
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	23.366.367.482	23.366.367.482	3.033.067.286	3.033.067.286
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.932.623.768	1.932.623.768	1.421.031.709	1.421.031.709
Các đối tượng khác	13.771.335.334	13.771.335.334	5.064.095.092	5.064.095.092
Cộng	41.409.677.529	41.409.677.529	13.998.945.982	13.998.945.982

Trong đó: Phải trả người bán là
bên liên quan - xem thêm mục 7 34.818.382.816 34.818.382.816 9.837.686.324 9.837.686.324

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An	-	111.917.140
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học tỉnh BR - VT	-	855.231.595
Ban Quản lý Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	6.248.883.960	-
Các đối tượng khác	2.995.843.253	166.712.123
Cộng	9.244.727.213	1.133.860.858

Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan -
Xem thêm mục 7 - 855.231.595

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021	Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	VND		VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	512.922.035	-	512.922.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	890.403.161	2.878.995.536	2.178.598.110	-	190.005.735
Thuế thu nhập cá nhân	1.401.498.635	2.648.540.534	1.504.561.086	-	257.519.187
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	3.000.000	-
Cộng	2.291.901.796	5.530.536.070	4.196.081.231	3.000.000	960.446.957

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Chi phí bản thảo, nhuận bút phải trả	3.514.055.000	1.271.907.900
Chi phí phải trả khác	17.730.000	-
Cộng	3.531.785.000	1.271.907.900

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Hoa hồng môi giới	2.288.357.868	3.689.457.384
Nhận ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	135.140.740	125.884.540
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.134.759.997	119.046.628
Các khoản phải trả khác	1.108.012.801	319.088.915
Cộng	4.686.271.406	4.273.477.467
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan - xem thêm mục 7	1.134.759.997	119.046.628

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	44.050.000.000	(200.000.000)	19.740.303.604	4.385.000.000	67.975.303.604
Lãi trong năm trước	-	-	-	9.219.576.303	9.219.576.303
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.990.661.043	(2.990.661.043)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.382.936.445)	(1.382.936.445)
Trích thủ lao HĐQT, BKS	-	-	-	(460.978.815)	(460.978.815)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	44.050.000.000	(200.000.000)	22.730.964.647	4.385.000.000	70.965.964.647
Lãi trong năm nay	-	-	-	11.512.124.160	11.512.124.160
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	2.659.380.704	(2.659.380.704)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(3.453.637.248)	(3.453.637.248)
Trích thủ lao HĐQT, BKS (*)	-	-	-	(575.606.208)	(575.606.208)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	44.050.000.000	(200.000.000)	25.390.345.351	4.823.500.000	74.063.845.351

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021.

(**) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2 Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
Cộng	44.050.000.000	44.050.000.000

4.16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	44.050.000.000	44.050.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	44.050.000.000	44.050.000.000

4.16.4 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VSCH)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	11.512.124.160	9.219.576.303
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT, BKS	4.029.243.456	1.843.915.260
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.482.880.704	7.375.661.043
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.385.000	4.385.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.706	1.682

4.16.6 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	11.512.124.160	9.219.576.303
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT, BKS	4.029.243.456	1.843.915.260
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.482.880.704	7.375.661.043
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.385.000	4.385.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.385.000	4.385.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.706	1.682

4.16.7 Cổ tức

Theo Quyết định số 472/QĐ-HĐQT ngày 18/12/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với số tiền tỷ 4.385.000.000 VND (tương đương 10% vốn điều lệ), ngày đăng ký cuối cùng là 08/01/2021. Công ty đã tiến hành chi trả số cổ tức trên trong tháng 1/2021.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ và số tiền như đã tạm ứng nêu trên.

4.16.8 Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	22.730.964.647
Trích trong năm	2.659.380.704
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2021	25.390.345.351

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Trí Đức - Xóa sổ do không thu được nợ	744.354.571	744.354.571

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán sách giáo khoa	344.556.888.038	362.784.336.466
Doanh thu bán sách bài tập	37.945.497.854	12.977.603.745
Doanh thu bán sách tham khảo	47.700.675.317	70.896.119.543
Doanh thu văn phòng phẩm - thiết bị giáo dục	38.366.287.023	22.300.122.129
Doanh thu khác	1.484.635.634	1.727.804.766
Cộng	470.053.983.866	470.685.986.649
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	184.157.926.809	206.017.035.946

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hàng bán bị trả lại	2.539.349.650	2.025.555.956
Cộng	2.539.349.650	2.025.555.956

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	312.385.620.266	337.324.762.903
Giá vốn bán sách bài tập	28.439.206.956	9.632.539.793
Giá vốn bán sách tham khảo	31.162.477.606	44.405.078.346
Giá vốn văn phòng phẩm - thiết bị giáo dục	30.944.778.341	17.946.634.599
Giá vốn hoạt động khác	610.727.416	844.682.077
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	1.573.376.988	322.205.751
Cộng	405.116.187.573	410.475.903.469

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	581.497.597	160.945.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.320.000	210.000.000
Chiết khấu thanh toán, phạt chậm thanh toán	1.856.357.167	441.242.267
Cộng	2.746.174.764	812.187.537

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	436.147.940	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	567.581.798	1.364.798.038
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(484.224.142)
Cộng	1.003.729.738	880.573.896

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	13.140.881.995	10.877.573.554
Chi phí thuê kho	2.862.378.176	2.097.007.998
Chi phí khấu hao	286.942.650	313.251.829
Chi phí vận chuyển	5.646.998.309	5.609.979.999
Chi phí tập huấn, phát triển thị trường, sản phẩm	3.384.229.355	4.731.009.209
Chi phí bán hàng khác	6.478.641.191	6.186.500.189
Cộng	31.800.071.676	29.815.322.778

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	8.075.868.882	6.618.178.496
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	242.912.632	450.884.761
Chi phí khấu hao	577.192.058	182.522.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.836.747.560	5.692.625.756
Chi phí bằng tiền khác	2.792.337.560	2.621.106.992
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	356.700.708	707.587.775
Cộng	17.881.759.400	16.272.906.430

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	1.228.123.010	1.551.912.865
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	345.454.545
Thu nhập từ thanh lý vật tư, hàng hóa, CCDC	66.774.036	188.422.727
Các khoản thu nhập khác	78.788.334	23.421.460
Cộng	1.373.685.380	2.109.211.597

5.9. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	600.170.279	694.144.117
Tiền truy thu, phạt chậm nộp và phạt hành chính về thuế	-	661.334.152
Chi phí thanh lý vật tư, hàng hóa, CCDC	816.840.669	1.083.129.302
Chi phí khác	24.615.329	20.131.660
Cộng	1.441.626.277	2.458.739.231

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.217.999.991	12.179.904.055
Chi phí nhân công	21.216.750.877	17.495.752.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	864.134.708	548.804.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.805.218.751	24.865.216.018
Chi phí khác bằng tiền	10.804.036.762	18.480.205.262
Cộng	71.908.141.089	73.569.882.168

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.391.119.696	11.678.384.023
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	312.177.982	527.051.667
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	312.177.982	527.051.667
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	308.320.000	210.000.000
- Cổ tức nhận được	308.320.000	210.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	14.394.977.678	11.995.435.690
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.878.995.536	2.458.807.720
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	2.878.995.536	2.399.087.138
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	59.720.582

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	-

MISAKI BOUTEN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 4.2		
Công ty CP Sách - TBTH tỉnh BR - VT	235.749.184	-
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	1.071.454.397	322.099.164
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	1.020.166.384	2.360.965.942
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	1.756.188.216	119.149.250
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	-	106.936.893
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	358.956.842	388.036.827
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	119.874.880
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	-	261.668.314
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	783.750
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	128.122.434	-
Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa TP. Hồ Chí Minh	12.837.499	13.000.000
Cộng	4.583.474.956	3.692.515.020
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước - Xem thêm mục 4.12		
Công ty CP Sách - TBTH tỉnh BR - VT	-	855.231.595
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả khác - xem thêm mục 4.15		
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.134.759.997	119.046.628

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán - xem thêm mục 4.11		
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	-	7.881.120
Công ty Cổ Phần Sách Đại học - Dạy nghề	-	372.263.350
Công ty CP Sách Dân tộc	55.680.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.383.029.070	2.540.921.735
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	1.980.854.558	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	1.335.584.701	1.002.019.460
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	237.932.000	504.182.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	823.102.519	730.406.843
Công ty Cổ phần Học Liệu	4.776.507	20.764.141
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	23.366.367.482	3.033.067.286
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	44.050.000
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	3.605.029.011	-
Công ty Cổ Phần Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	-	161.098.680
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	93.403.200	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.932.623.768	1.421.031.709
Cộng	34.818.382.816	9.837.686.324

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng		
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	540.710.100	698.394.660
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	19.671.637.233	11.554.078.952
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	405.132.800	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	3.274.291.660	3.646.353.430
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	45.675.470	256.212.470
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	923.994.790	7.301.463.720
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	3.028.768.718	1.070.919.380
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	1.233.565.241	1.902.019.460
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	1.933.470.000	4.829.358.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.179.373.176	2.190.242.796
Công ty Cổ phần Học Liệu	733.308.672	733.806.055
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	31.889.000	84.272.500
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	350.163.333.906	348.474.528.875
Công ty CP Sách Dân tộc	55.680.000	-
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	464.310.550	551.541.760
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	166.746.000	44.550.000
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	493.461.070	436.575.380
Công ty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại Đà Nẵng	332.252.200	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	8.792.107.840	8.531.550.000
Công ty CP Sách - TBGD Miền Bắc	80.515.977	218.091.669
Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa TP.Hồ Chí Minh	176.745.647	-
Cộng	393.726.970.050	392.523.959.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Học Liệu	105.000.000	105.000.000
Cộng	2.545.000.000	2.545.000.000

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	23.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	210.471.743	1.659.896.302
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	53.181.818	49.874.659
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	-	54.783.750
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	31.562.559.594	21.291.164.262
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	15.938.936.766	24.949.294.833
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	71.441.422.209	92.921.784.974
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	1.045.965.814	2.877.910.955
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	656.504.520	702.299.540
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	3.189.222.165	453.353.501
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	694.177.500	875.494.460
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	81.887.455	349.095.805
Công ty CP Sách - TBGD Miền Bắc	4.720.177.790	2.219.641.331
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	150.757.200	285.174.612
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	821.583.504	1.173.216.732
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	11.446.144.156	14.167.059.115
Công ty CP Sách - TBTH tỉnh BR - VT	32.817.172.733	28.124.221.768
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	9.302.360.388	13.771.534.256
Công ty Cổ phần Học Liệu	13.731.000	53.946.000
Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa TP. Hồ Chí Minh	11.670.454	14.289.091
Cộng	184.157.926.809	206.017.035.946

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Phùng Ngọc Hồng	59.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Thành Anh	50.000.000	40.000.000
Bà Đỗ Thị Mai Anh	50.000.000	40.000.000
Ông Phạm Cảnh Toàn	50.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Mai Hoa	50.000.000	40.000.000
Cộng	259.000.000	210.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Đỗ Thị Mai Anh	670.448.012	624.474.100
Trần Lê Quang	565.970.735	533.185.500
Phạm Cảnh Toàn	622.862.455	549.640.200
Cộng	1.859.281.202	1.707.299.800

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Hữu	26.000.000	24.000.000
Bà Mạc Thị Hồng Minh	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Duy Khánh	12.000.000	12.000.000
Cộng	50.000.000	48.000.000

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

❖ Công ty thuê đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Thông tin cụ thể như sau:

- **Diện tích thuê:** 5.000 m².
- **Thời gian thuê:** Từ thời điểm ký hợp đồng ngày 16/10/2019 đến ngày 16/12/2054.
- **Mục đích thuê:** Xây dựng nhà kho.
- **Tiền thuê lại đất:** Thời điểm tính tiền thuê lại đất từ thời điểm nhận chuyển giao đất. Đơn giá thuê: Theo đơn giá được thông báo từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- **Tiền duy tu hàng năm:** Thời điểm tính tiền duy tu: Công ty được miễn tiền duy tu 12 tháng kể từ thời điểm nhận bàn giao lô đất và đường giao thông N2 đã hoàn thiện. Phương thức trả tiền: hàng năm. Đơn giá duy tu: 12.500 đồng/m²/năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại 3 năm 1 lần với khống chế mức tăng không quá 15% mức cũ.
- **Tiền thuê cơ sở hạ tầng:** Thời điểm chi trả: Chi trả theo tiến độ thanh toán đã được thỏa thuận trước tại Phụ lục hợp đồng nêu trên. Giá trị thuê: áp dụng đơn giá thuê 1.900.000 đồng/m² cho toàn bộ thời gian thuê (đơn giá chưa bao gồm VAT).

❖ Công ty thực hiện thuê kho và mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động có thời hạn từ 1 đến 3 năm và thực hiện trả tiền hằng năm.

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	3.056.418.176	2.097.007.998

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập